

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, mục Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Buộc hoàn lại số tiền có được do thực hiện hành vi vi phạm **hoặc đã được cấp;**”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Buộc tiêu hủy, tháo gỡ phim;”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

7. Buộc thu hồi **giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam; giấy phép phân loại phim; giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên**

hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim; văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật; văn bản chấp thuận tổ chức thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn; văn bản xác nhận dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài; giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ; giấy phép tổ chức triển lãm; giấy phép triển lãm mỹ thuật; giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng; văn bản chấp thuận tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật; giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh; giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật; chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động, giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. **Buộc loại bỏ nội dung vi phạm ra khỏi phim**; bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu đã được phép lưu hành; triển lãm; triển lãm mỹ thuật, triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh, trại sáng tác điêu khắc; sản phẩm quảng cáo;”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

“11. **Buộc gửi văn bản cam kết**;”

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 16 như sau:

“16. Buộc tiêu hủy **phim**; bản ghi âm, ghi hình có nội dung nghệ thuật biểu diễn;”

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 17 như sau:

“17. Buộc công bố công khai thu hồi danh hiệu, giải thưởng cuộc thi liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu; **buộc công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc bị dừng phổ biến phim**;”

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 18 như sau:

18. Buộc nộp lại **giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam; giấy phép phân loại phim; giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim**; văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn; giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ; giấy phép tổ chức triển lãm; giấy phép triển lãm mỹ thuật; giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành

tráng; giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc; giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật; chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động, giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp.”

h) Bổ sung khoản 19 như sau:

“19. Buộc cung cấp danh mục phim chiếu; buộc nộp lưu chiểu hoặc trả lại bản bản phim lưu chiểu;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại **khoản 5 Điều 8; khoản 3 Điều 9; các khoản 3, 4 và 5 Điều 10; Điều 10a**; điểm a khoản 2, các khoản 3, 5 và 6, các điểm a, b, c và d khoản 7 Điều 14; các khoản 1, 2, 3, 4 và điểm b khoản 5 Điều 21; các khoản 1, 2, 3, 4 và điểm b khoản 5 Điều 23; khoản 1 Điều 24; các Điều 30, 38, 39 và 40 Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức.”

3. Sửa đổi, bổ sung Mục 1 chương II như sau:

“Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM VỀ ĐIỆN ẢNH

Điều 6. Vi phạm quy định về hoạt động điện ảnh có nội dung bị nghiêm cấm

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi của hoạt động điện ảnh có một trong các nội dung sau đây:

a) Xuyên tạc lịch sử dân tộc, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; thể hiện không đúng, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

b) Kích động, xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; tuyên truyền, cổ súy cho các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bất hợp pháp;

c) Tiết lộ bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

d) Kích động bạo lực, hành vi tội ác bằng việc thể hiện chi tiết cách thức thực hiện, hình ảnh, âm thanh, lời thoại, cảnh đánh đập, tra tấn, giết người dã man, tàn bạo và những hành vi khác xúc phạm đến nhân phẩm con người, trừ

trường hợp thể hiện các nội dung đó để phê phán, tố cáo, lên án tội ác, đề cao chính nghĩa, tôn vinh giá trị truyền thống, văn hóa;

đ) Gây tổn hại đến các giá trị văn hóa, lợi ích quốc gia, dân tộc Việt Nam; truyền bá tệ nạn xã hội; phá hoại văn hóa, đạo đức xã hội;

e) Thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại dâm ô, trụy lạc, loạn luân;

g) Vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, người chưa thành niên;

h) Vi phạm nguyên tắc bình đẳng giới, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp tái phạm hoạt động điện ảnh có nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi cá nhân đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy, tháo gỡ hoặc loại bỏ nội dung vi phạm trong phim đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy, tháo gỡ hoặc loại bỏ nội dung vi phạm trong tang vật đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp không áp dụng biện pháp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

d) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

đ) Buộc tiêu hủy văn hoá phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định khoản 1 Điều này trong trường hợp không áp dụng biện pháp quy định tại điểm c khoản này.

Điều 7. Vi phạm quy định về hành vi bị cấm

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành, phổ biến phim trên hệ thống rạp chiếu phim, trên hệ thống truyền hình và địa điểm chiếu phim công cộng mà không có Giấy phép phân loại phim của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động truyền hình;

b) Phổ biến phim trên không gian mạng mà không phân loại, hiển thị kết quả phân loại theo quy định;

c) Thay đổi, làm sai lệch nội dung phim và kết quả phân loại phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

d) Phát hành, phổ biến phim đã có quyết định thu hồi Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động phát hành và phổ biến phim trên hệ thống rạp chiếu phim, trên hệ thống truyền hình và địa điểm chiếu phim công cộng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy, gỡ bỏ hoặc loại bỏ nội dung vi phạm trong phim đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy văn hoá phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định khoản 2 Điều này trong trường hợp không áp dụng biện pháp quy định tại điểm a khoản này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về sản xuất phim

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam;

b) Không tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối hành vi sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung làm thay đổi nội dung giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện nội dung văn bản thẩm định kịch bản đối với phim sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Không gửi văn bản cam kết không vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp hợp tác sản xuất

phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài, nhận tài trợ từ tổ chức, cá nhân nước ngoài để sản xuất phim theo quy định;

c) Không sử dụng dịch vụ do cơ sở điện ảnh Việt Nam cung cấp khi sản xuất phim tại Việt Nam theo quy định;

d) Không có văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ với cơ sở điện ảnh Việt Nam khi sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam theo quy định;

đ) Không thực hiện đúng nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam trong trường hợp sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam;

b) Cho tổ chức khác sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam;

c) Sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam của tổ chức khác.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm sản xuất phim theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Tịch thu Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3, điểm c khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi Giấy phép đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong trường hợp đã được cấp;

b) Buộc nộp lại Giấy phép đã bị sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung làm thay đổi nội dung cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy phép đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc hoàn trả số tiền đã được cấp đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trong trường hợp hết thời hạn đình chỉ hoạt động mà không khắc phục được hậu quả;

d) Buộc gửi văn bản cam kết đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về phát hành phim

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi quản lý, sử dụng không đúng mục đích phim nhập khẩu để phục vụ hoạt động nghiên cứu, giáo dục, lưu trữ và lưu hành nội bộ.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không gửi văn bản cam kết về nội dung phim không vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm phát hành phim theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu phim đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc gửi văn bản cam kết đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về phổ biến phim

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phổ biến phim ngoài khoảng thời gian từ 8 giờ đến 24 giờ hàng ngày tại rạp chiếu phim; địa điểm chiếu phim công cộng trừ phương tiện vận tải hành khách công cộng và phương tiện, địa điểm công cộng khác có tổ chức chiếu phim;

b) Không công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc bị dừng phổ biến phim theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng sau đây:

a) Không cung cấp danh mục phim chiếu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi tổ chức đăng ký kinh doanh phổ biến phim;

b) Không thông báo bằng văn bản về nội dung, chương trình chiếu phim cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương theo quy định về tổ chức phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng;

c) Không thay đổi thời gian, quy mô chiếu phim tại địa điểm chiếu phim công cộng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về nghĩa vụ của cơ sở phổ biến phim như sau:

a) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm phổ biến phim theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt; không bảo đảm các điều kiện để phổ biến đối với từng hình thức phổ biến theo quy định;

b) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo theo quy định;

c) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không dừng việc phổ biến phim khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về phổ biến phim trong rạp chiếu phim của cơ sở điện ảnh như sau:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kết nối dữ liệu, chế độ báo cáo tình hình hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ suất chiếu phim Việt Nam, khung giờ chiếu phim Việt Nam; thời lượng và khung giờ chiếu phim cho trẻ em; người xem phim đúng độ tuổi theo phân loại phim;

c) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm về quy chuẩn kỹ thuật về rạp chiếu phim theo quy định.

5. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về phổ biến phim trên hệ thống truyền hình như sau:

a) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam so với phim nước ngoài, khung giờ phát sóng phim Việt Nam, thời lượng và khung giờ phát sóng phim cho trẻ em trên các kênh truyền hình trong nước theo quy định;

b) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập Hội đồng thẩm định và phân loại phim của cơ quan báo chí;

c) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không đáp ứng một trong các điều kiện phổ biến phim trong rạp chiếu phim theo quy định.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với đối với một trong các hành vi vi phạm về phổ biến phim trên không gian mạng sau đây:

a) Không bảo đảm điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định;

b) Không thông báo danh sách phim sẽ phổ biến và kết quả phân loại phim cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi thực hiện phổ biến phim;

c) Không thực biện pháp kỹ thuật cần thiết và hướng dẫn để cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em tự kiểm soát, quản lý, bảo đảm trẻ em xem phim phổ biến trên không gian mạng phù hợp với độ tuổi xem phim; để người sử dụng dịch vụ báo cáo về phim vi phạm theo quy định.

d) Không cung cấp đầu mối, thông tin liên hệ để tiếp nhận, xử lý yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người sử dụng dịch vụ;

đ) Không gỡ bỏ phim vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan ngay khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Không triển khai các giải pháp kỹ thuật, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gỡ bỏ, ngăn chặn phim vi phạm;

g) Không ngăn chặn truy cập phim vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quy định về Giấy phép phân loại phim như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung làm thay đổi nội dung Giấy phép giấy phép phân loại phim;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khi thay đổi tên phim hoặc thời hạn chiếu phim mà không thay đổi nội dung đã được cấp Giấy phép phân loại phim.

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép phân loại phim trong trường hợp thay đổi nội dung phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ phổ biến phim từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3, điểm c khoản 4 và điểm đ khoản 6 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc bị dừng phổ biến phim đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc cung cấp danh mục phim chiếu đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này;

d) Buộc tiêu hủy, tháo gỡ hoặc loại bỏ nội dung vi phạm trong phim đối với hành vi quy định tại các khoản 3; điểm a, điểm c khoản 5 và khoản 6 Điều này;

đ) Buộc tiêu hủy văn hoá phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi quy định tại các khoản 3; điểm a, điểm c khoản 5 và khoản 6 Điều này trong trường hợp không áp dụng biện pháp quy định tại điểm d khoản này;

e) Buộc thu hồi Giấy phép phân loại phim đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 7 Điều này trong trường hợp đã được cấp;

g) Buộc nộp lại Giấy phép phân loại phim cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 7 Điều này.

Điều 10a. Vi phạm quy định về lưu chiếu, lưu trữ phim, liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không nộp lưu chiếu phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim theo quy định;

b) Không mở mã khóa phim để đối chiếu, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan cấp phép phân loại phim;

c) Không bảo đảm an toàn bản phim, kịch bản và tài liệu kèm phim theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;

d) Không cung cấp bản sao, in trích tư liệu cho chủ sở hữu phim và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

đ) Kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim;

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung làm thay đổi nội dung Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim không đáp ứng một trong các điều kiện theo quy định của cơ quan, tổ chức Việt Nam, trừ trường hợp cơ quan tổ chức Việt Nam là cơ quan nhà nước ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim của các tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài, cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép theo quy định;

b) Phim tham gia liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim không có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lưu chiểu đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả lại bản phim lưu chiểu đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc thu hồi Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này trong trường hợp đã được cấp;

d) Buộc nộp lại Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

đ) Buộc tiêu hủy phim đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.”

4. Bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 34 như sau:

“đ) Quảng cáo phim thông qua đoạn giới thiệu phim hoặc các thông tin liên quan đến bộ phim trước, trong quá trình sản xuất, phát hành và phổ biến phim vi phạm các quy định tại Điều 9 Luật Điện ảnh.”

Điều 2. Bãi bỏ, thay thế cụm từ, điểm, khoản, Điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, Nghị định số 129/2021/NĐ-CP

1. Bãi bỏ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ cụm từ “điểm b khoản 5 Điều 9” tại khoản 4, cụm từ “Điều 7; khoản 4, khoản 5 Điều 9” tại khoản 6 Điều 71 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP; cụm từ “điểm b khoản 7 Điều 6” tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP.

3. Thay thế cụm từ

a) Thay thế cụm từ “điểm a khoản 4 Điều 6” thành cụm từ “điểm c khoản 1 Điều 6” tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP;

b) Thay thế cụm từ “điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 8” thành cụm từ “Điều 6; khoản 2 Điều 7; khoản 5, khoản 6 Điều 10” tại khoản 7 Điều 71 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP;

c) Thay thế cụm từ “khoản 4 Điều 8” thành cụm từ “điểm g, điểm h khoản 1 Điều 6” tại khoản 13 Điều 71 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 4 Nghị định số 129/2021/NĐ-CP.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện ảnh xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết mà Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng quy định của Nghị định này.

b) Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, Nghị định số 129/2021/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNTVN;
- Các hội VHNT Trung ương;
- Hội VHNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP:BTCN, các PCN, TLBT, Công báo, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc VPCP;
- Lưu: VT, KGVX (5b).....

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính